

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|-------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo | 3-4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5-6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7-28 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> | 7-10 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016</i> | 11 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i> | 12-13 |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016</i> | 14-25 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|-------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo | 2-4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5-6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7-25 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> | 7-10 |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016</i> | 11 |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i> | 12-13 |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016</i> | 14-25 |

Địa chỉ: Số 70, phố Nam Đồng, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
 Điện thoại: 0660004422

Địa chỉ: Số 70, phố Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Mã số chi nhánh: 0600004422-002

Phân loại sản phẩm kinh doanh chính

Sách, vở, đồ dùng khác cho gia đình (Chỉ tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm, bàn viết thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
 Sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 Sách báo sách (Chỉ tiết: Phát hành sách);
 Sách báo, báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chỉ tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
 Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chỉ tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chỉ tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đất giá, sàn giao dịch bất động sản));

Thời điểm tài chính và hoạt động kinh doanh

Thời điểm tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 25).



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp bổ sung 04 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 165.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Mã số thuế : 0 6 0 0 0 4 4 2 2

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định tại Hà Nội | Số 70, phố Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Mã số chi nhánh: 0600004422-002 |

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản))./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 25).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2016 Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 165.000.000.000 VND lên 323.000.000.000 VND nhằm bổ sung vốn lưu động là 487.000.000 đồng; Mua lại vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest (SI) 57.513.000.000 đồng, nâng tỷ lệ vốn Công ty đầu tư vào SI là 99.99%; Mua lại vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An 100.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An.

Ngoài sự kiện nêu trên, ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không còn sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | |
|-----------------------|----------|-------------------------------------|
| Ông Lê Trường Giang | Chủ tịch | |
| Bà Trần Thị Thúy Hằng | Ủy viên | |
| Ông Đặng Quốc Toàn | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Anh Chiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2016 |
| Ông Bùi Bảo Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2016 |
| Bà Đỗ Hồng Nhung | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016 |
| Ông Vũ Quang Tiệp | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 03 tháng 3 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | |
|-------------------------|----------------------|---|
| Bà Nguyễn Thị Lan Hương | Trưởng ban Kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016 |
| Bà Phạm Vân Anh | Trưởng ban Kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2016, miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Anh Chiến | Trưởng ban Kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2016 |
| Ông Phạm Minh Đức | Thành viên | |
| Ông Hà Tuấn Sơn | Thành viên | |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | |
|--------------------|-------------------------------------|--------------------------------|
| Ông Trần Quốc Hưng | Giám đốc | |
| Bà Hứa Thị Anh Đào | Phó Giám đốc Kiểm Kế toán trưởng | |
| Bà Đỗ Hồng Nhung | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm 16 tháng 6 năm 2016 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Xác nhận của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban lãnh đạo,
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Trường Giang

Ngày 06 tháng 3 năm 2017



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2906.01.03/2016/NVT2-BCTC
Ngày : 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi : Ban Lãnh đạo, các cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017 từ trang 07 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNT số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNT số: 1690-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 7.073.222.141 | 11.861.416.228 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.752.254.881 | 6.258.291.937 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.752.254.881 | 6.258.291.937 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.426.998.196 | 4.589.216.336 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 3.188.898.904 | 4.465.538.431 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 66.599.372 | 80.397.237 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 171.499.920 | 43.280.668 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 893.969.064 | 1.006.861.155 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 982.511.824 | 1.120.382.259 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (88.542.760) | (113.521.104) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 7.046.800 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 7.046.800 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 158.969.820.519 | 154.433.064.817 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.695.500.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6 | 4.695.500.000 | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 3.988.570.519 | 4.147.314.817 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 3.988.570.519 | 4.147.314.817 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 6.215.264.087 | 6.215.264.087 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (2.226.693.568) | (2.067.949.270) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 150.285.750.000 | 150.285.750.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.8 | 150.285.750.000 | 150.285.750.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 166.043.042.660 | 166.294.481.045 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------|--------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 595.457.962 | 940.967.977 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 595.457.962 | 940.967.977 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 543.349.760 | 882.820.170 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 20.332.737 | 24.948.847 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 15.689.935 | 25.045.750 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 8.773.295 | 3.035.892 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 7.312.235 | 5.117.318 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 165.447.584.698 | 165.353.513.068 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.13 | 165.447.584.698 | 165.353.513.068 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 165.000.000.000 | 165.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 165.000.000.000 | 165.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 266.203.333 | 266.203.333 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (437.449.533) | (437.449.533) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 291.971.737 | 291.971.737 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 326.859.161 | 232.787.531 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 232.787.531 | 141.033.514 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 94.071.630 | 91.754.017 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 166.043.042.660 | 166.294.481.045 |

Kế toán trưởng



Hứa Thị Anh Đào

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Trường Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 32.893.582.105 | 34.497.211.837 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 39.291.230 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 32.893.582.105 | 34.457.920.607 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 30.469.353.640 | 32.165.037.834 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2.424.228.465 | 2.292.882.773 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 236.946.221 | 160.928.762 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 148.856.458 | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 1.415.550.764 | 1.545.399.436 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 940.343.930 | 770.914.755 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 156.423.534 | 137.497.344 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3.029.916 | 3.801.523 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 11.026.931 | 23.346.510 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (7.997.015) | (19.544.987) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 148.426.519 | 117.952.357 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 54.354.889 | 26.198.340 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>94.071.630</u> | <u>91.754.017</u> |

Kế toán trưởng

Hứa Thị Anh Đào

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Trường Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | minh | |
|---|-----------|------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 34.168.261.165 | 36.385.795.023 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (31.482.554.736) | (33.449.099.214) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.062.624.203) | (1.001.944.281) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | - | - |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (44.666.844) | (67.992.302) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 180.394.109 | 146.521.005 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (571.111.815) | (770.892.963) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.187.697.676 | 1.242.387.268 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (4.695.500.000) | (150.285.750.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.765.268 | 12.971.874 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (4.693.734.732) | (150.272.778.126) |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | minh | | Năm trước |
|--|-----------|------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | 155.000.000.000 |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | - | 155.000.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (3.506.037.056) | 5.969.609.142 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 6.258.291.937 | 288.682.795 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 2.752.254.881 | 6.258.291.937 |

Kế toán trưởng



Hứa Thị Anh Đào

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2017

Chủ tịch hội đồng quản trị



Lê Trường Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Ngành nghề kinh doanh chính trong năm:**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thiết bị đồ dùng dạy học, văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản))./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất là 20%

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

12. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 602.925.934 | 278.593.697 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.149.328.947 | 5.979.698.240 |
| Cộng | <u>2.752.254.881</u> | <u>6.258.291.937</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | - | 254.429.200 |
| Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest | - | 254.429.200 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 3.188.898.904 | 4.211.109.231 |
| Tổ mầm non Phòng Giáo dục Trực Ninh | 454.552.062 | - |
| Tổ tiểu học Phòng Giáo dục TP.Nam Định | 428.537.712 | 89.601.112 |
| Tổ tiểu học Phòng Giáo dục Nam Trực | 400.310.250 | 328.351.135 |
| Khách lẻ khác | 1.498.672.418 | 3.314.894.067 |
| Các khách hàng khác | 406.826.462 | 478.262.917 |
| Cộng | <u>3.188.898.904</u> | <u>4.465.538.431</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty cổ phần sách và thiết bị trường học Hà Tây | - | 31.874.537 |
| Công ty Cổ phần đầu tư và xuất bản giáo dục | - | 48.522.700 |
| Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển trường phổ thông Công nghệ giáo dục | 66.599.372 | - |
| Cộng | <u>66.599.372</u> | <u>80.397.237</u> |

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|---------------------------|--------------------------|
| Tạm ứng | 29.999.920 | 42.940.000 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 340.668 |
| Phải thu khác | 141.500.000 | - |
| Cộng | <u>171.499.920</u> | <u>43.280.668</u> |

5. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Hàng hóa | 982.511.824 | (88.542.760) | 1.120.382.259 | (113.521.104) |
| Cộng | <u>982.511.824</u> | <u>(88.542.760)</u> | <u>1.120.382.259</u> | <u>(113.521.104)</u> |

6. Các khoản phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng Ba Đình – ICT | 4.695.500.000 | - |
| Cộng | <u>4.695.500.000</u> | <u>-</u> |

Là khoản phải thu để đầu tư thực hiện Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng tại số 19 Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng góp vốn xây dựng số 01/2016/DST-ICT/HĐGV ký ngày 27 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty TNHH xây dựng Ba Đình (ICT) và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định. Giá trị theo hợp đồng là 4.695.500.000 VNĐ. Theo đó, khi dự án hoàn thành, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định sẽ được ký Hợp đồng thuê văn phòng trong vòng 15 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|--|----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 4.974.932.590 | 687.247.857 | 553.083.640 | 6.215.264.087 |
| Số cuối năm | 4.974.932.590 | 687.247.857 | 553.083.640 | 6.215.264.087 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 203.773.600 | 687.247.857 | 553.083.640 | 1.444.105.097 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 883.505.936 | 631.359.694 | 553.083.640 | 2.067.949.270 |
| Tăng trong năm do khấu hao | 102.856.135 | 55.888.163 | - | 158.744.298 |
| Số cuối năm | 986.362.071 | 687.247.857 | 553.083.640 | 2.226.693.568 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 4.091.426.654 | 55.888.163 | - | 4.147.314.817 |
| Số cuối năm | 3.988.570.519 | - | - | 3.988.570.519 |

8. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest. Giá trị khoản vốn góp tại Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest chiếm 72,32% vốn điều lệ và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty con. Hoạt động chính của Công ty con là cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tiếp thị và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán cho các công ty chứng khoán

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Nhà sách Minh Đức | 453.084.800 | 658.488.400 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest | 82.500.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 7.764.960 | 224.331.770 |
| Cộng | 543.349.760 | 882.820.170 |

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|--------------------|-------------------|
| Đại lý Nguyễn Thị Việt | - | 4.396.675 |
| Đại lý Trần Tất Mạnh | 451.731 | - |
| Các trường học | - | 671.166 |
| Phòng giáo dục Mỹ Lộc | 1.155.784 | 1.155.784 |
| Phòng giáo dục Vụ Bản | 2.939.008 | 2.939.008 |
| Phòng giáo dục Nam Trực | 3.355.672 | 3.355.672 |
| Phòng giáo dục Hải Hậu | 5.051.168 | 5.051.168 |
| Phòng giáo dục Nghĩa Hưng | 3.501.752 | 3.501.752 |
| Phòng giáo dục Giao Thủy | 3.877.622 | 3.877.622 |
| Cộng | 20.332.737 | 24.948.847 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------|-------------------|
| Thuế GTGT | 18.393.326 | 65.352.679 | 83.160.291 | 585.714 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 860.670 | 54.354.889 | 44.666.844 | 10.548.715 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 5.791.754 | 15.393.279 | 16.629.527 | 4.555.506 |
| Cộng | 25.045.750 | 135.100.847 | 144.456.662 | 15.689.935 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất cho từng lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

| | |
|------------------------|------|
| Bán sách, báo, tạp chí | 0 % |
| Bán thiết bị giáo dục | 5 % |
| Các lĩnh vực khác | 10 % |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------|------------------|
| Kinh phí công đoàn | 2.282.235 | 5.087.318 |
| Phải trả, phải nộp khác | 5.030.000 | 30.000 |
| Cộng | 7.312.235 | 5.117.318 |

13. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 10.000.000.000 | 414.720.000 | (437.449.533) | 291.971.737 | 141.033.514 | 10.410.275.718 |
| Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu | 155.000.000.000 | - | - | - | - | 155.000.000.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (148.516.667) | - | - | - | (148.516.667) |
| Lợi nhuận năm trước | - | - | - | - | 91.754.017 | 91.754.017 |
| Số dư cuối năm trước | 165.000.000.000 | 266.203.333 | (437.449.533) | 291.971.737 | 232.787.531 | 165.353.513.068 |
| Số dư đầu năm | 165.000.000.000 | 266.203.333 | (437.449.533) | 291.971.737 | 232.787.531 | 165.353.513.068 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 94.071.630 | 94.071.630 |
| Số dư cuối năm | 165.000.000.000 | 266.203.333 | (437.449.533) | 291.971.737 | 326.859.161 | 165.447.584.698 |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 16.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 16.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 16.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 16.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 16.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 32.893.582.105 | 34.497.211.837 |
| <i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i> | | 39.291.230 |
| Hàng bán bị trả lại | - | 39.291.230 |
| Doanh thu thuần | <u>32.893.582.105</u> | <u>34.457.920.607</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 30.469.353.640 | 32.165.037.834 |
| Tổng | <u>30.469.353.640</u> | <u>32.165.037.834</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.765.268 | 12.971.874 |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng | 235.180.953 | 147.956.888 |
| Tổng | <u>236.946.221</u> | <u>160.928.762</u> |

4. Chi phí hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|---------------------------|------------------|
| Chiết khấu thanh toán cho khách hàng | 148.856.458 | - |
| Cộng | <u>148.856.458</u> | <u>-</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 985.294.606 | 1.034.656.815 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 76.970.813 | 13.227.274 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 353.285.345 | 497.515.347 |
| Cộng | <u>1.415.550.764</u> | <u>1.545.399.436</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 306.134.721 | 249.856.611 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 32.246.800 | 50.073.050 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 81.773.485 | 162.810.400 |
| Thuế, phí và lệ phí | 23.021.021 | 20.593.524 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 476.054.348 | 242.354.595 |
| Các chi phí khác | 21.113.555 | 45.226.575 |
| Cộng | <u>940.343.930</u> | <u>770.914.755</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ | 2.579.916 | 3.601.523 |
| Thu nhập khác | 450.000 | 200.000 |
| Cộng | <u>3.029.916</u> | <u>3.801.523</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phạt chậm nộp thuế | 10.222.607 | 1.131.000 |
| Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ | 804.324 | - |
| Chi phí khác | - | 22.215.510 |
| Cộng | <u>11.026.931</u> | <u>23.346.510</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 148.426.519 | 117.952.357 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 10.222.607 | 1.131.000 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 10.222.607 | 1.131.000 |
| phạt vi phạm hành chính về thuế | 10.222.607 | 1.131.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 158.649.126 | 119.083.357 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 31.729.825 | 26.198.340 |
| Truy thu thuế TNDN năm 2015 theo biên bản quyết toán thuế | 22.625.064 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>54.354.889</u> | <u>26.198.340</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 32.246.800 | 50.073.050 |
| Chi phí nhân công | 1.291.429.327 | 1.284.513.426 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 158.744.298 | 176.037.674 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 829.339.693 | 739.869.942 |
| Chi phí khác | 44.134.576 | 65.820.099 |
| Cộng | <u>2.355.894.694</u> | <u>2.316.314.191</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các thành viên này

Trong kỳ, Doanh nghiệp không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|--------------------|---------------------------|
| Lương Ban Giám đốc | 141.554.616 |
| Cộng | <u>141.554.616</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty có:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest

Mối quan hệ

Công ty con

Giao dịch phát sinh với bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số V.2

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính***

| | <u>Giá trị sổ sách</u> | | <u>Giá trị hợp lý</u> | |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.752.254.881 | 6.258.291.937 | 2.752.254.881 | 6.258.291.937 |
| Phải thu khách hàng | 3.188.898.904 | 4.465.538.431 | 3.188.898.904 | 4.465.538.431 |
| Các khoản phải thu khác | 4.725.499.920 | 43.280.668 | 4.725.499.920 | 43.280.668 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 150.285.750.000 | 150.285.750.000 | 150.285.750.000 | 150.285.750.000 |
| Cộng | <u>160.952.403.705</u> | <u>161.052.861.036</u> | <u>160.952.403.705</u> | <u>161.052.861.036</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Nợ phải trả tài chính***

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán | 543.349.760 | 882.820.170 | 543.349.760 | 882.820.170 |
| Các khoản phải trả khác | 16.085.530 | 8.153.210 | 16.085.530 | 8.153.210 |
| Cộng | 559.435.290 | 890.973.380 | 559.435.290 | 890.973.380 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác ngắn hạn, phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ, từ đó ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

3. Quản lý rủi ro tài chính***a. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu và đơn đốc thu hồi. Cùng với đó, các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung ở một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------|----------------------|------------|--------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 543.349.760 | - | - | 543.349.760 |
| Các khoản phải trả khác | 16.085.530 | - | - | 16.085.530 |
| Cộng | 559.435.290 | - | - | 559.435.290 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 882.820.170 | - | - | 882.820.170 |
| Các khoản phải trả khác | 8.153.210 | - | - | 8.153.210 |
| Cộng | 890.973.380 | - | - | 890.973.380 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm như sau:

| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước | Chênh lệch | Số liệu điều chỉnh lại |
|---|-------|---|--------------|------------------------|
| | | | | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 115.474.262 | 45.454.500 | 160.928.762 |
| Thu nhập khác | 31 | 49.256.023 | (45.454.500) | 3.801.523 |

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Lập ngày 06 tháng 3 năm 2017

Kế toán trưởng



Hứa Thị Anh Đào



Lê Trường Giang